

## Verospiron 25mg



### Công dụng của Thuốc Verospiron 25mg

#### Chỉ định

**Thuốc Verospiron 25mg** được chỉ định dùng trong các trường hợp sau:

*Trong bệnh cường aldosterone tiên phát:*

Điều trị ngắn hạn trước phẫu thuật. Nếu người bệnh không thể phẫu thuật hoặc từ chối phẫu thuật, có thể điều trị dài hạn.

*Phù do các nguyên nhân khác nhau:*

Nên phối hợp spironolactone với các thuốc lợi tiểu khác, hạn chế dùng muối và nước và phải nằm nghỉ nếu cần.

Phù nề kèm theo **suy tim** sung huyết, nếu người bệnh không đáp ứng, hoặc không dung nạp với các liệu pháp khác, hoặc muốn có tác dụng hiệp đồng với các thuốc lợi tiểu khác.

Phù và/hoặc cổ trướng kèm theo **xơ gan**.

Hội chứng thận hư, nếu đã điều trị bệnh gốc hoặc hạn chế dùng nước và muối, và đã dùng các thuốc lợi tiểu khác mà không đạt hiệu quả mong muốn.

*Tăng huyết áp vô căn:*

Dùng kết hợp với các thuốc chống tăng huyết áp khác, đặc biệt trong trường hợp giảm kali huyết.

*Giảm kali huyết:*

Nếu không thể áp dụng được những liệu pháp khác.

Phòng ngừa giảm kali huyết ở người bệnh điều trị với digitalis, nếu không còn lựa chọn điều trị nào khác.

### **Dược lực học**

**Spironolactone** là một chất đối kháng cạnh tranh với aldosterone. Thuốc tác động trên ống lượn xa, ức chế tác động giữ nước và Na<sup>+</sup>, tác động thải trừ K<sup>+</sup> của aldosterone. Nó không chỉ làm tăng sự thải trừ Na<sup>+</sup> và làm giảm thải trừ K<sup>+</sup> mà còn ức chế bài tiết H<sup>+</sup> vào nước tiểu. Kết quả của tác động lợi tiểu dẫn đến tác động hạ huyết áp.

### **Dược động học**

*Hấp thu*

Sự hấp thu spironolactone từ ống tiêu hóa nhanh và mạnh.

*Phân bố*

Thuốc gắn kết mạnh vào protein huyết tương (khoảng 90%).

*Chuyển hóa, thải trừ*

Spironolactone được chuyển hóa nhanh. Các chất chuyển hóa có hoạt tính dược lý là 7 $\alpha$  – thiomethylspironolactone và canrenone. Các chất chuyển hóa này chủ yếu được bài tiết vào nước tiểu, một lượng nhỏ vào phân.

Spironolactone và các chất chuyển hóa vượt qua được hàng rào nhau thai, và cũng được tiết vào sữa mẹ.

### **Cách dùng Thuốc Verospiron 25mg**

#### **Cách dùng**

Dùng spironolactone bằng đường uống với nước lọc, nên uống cùng thời điểm mỗi ngày.

#### **Liều dùng**

Cường aldosterone:

Dùng trước phẫu thuật, liều mỗi ngày từ 100 – 400 mg.

Nếu người bệnh không thích hợp cho phẫu thuật, thì tiến hành điều trị duy trì dài ngày với liều tối thiểu có hiệu quả được xác định cho từng người bệnh.

Trong trường hợp này, giảm liều khởi đầu sau mỗi 14 ngày cho đến khi đạt liều tối thiểu có hiệu quả. Nếu điều trị lâu dài, tốt nhất là dùng kết hợp với các thuốc lợi tiểu khác để giảm các tác dụng không mong muốn.

Phù (suy tim sung huyết, xơ gan, hội chứng thận hư):

Người lớn: Liều khởi đầu thông thường là 100 mg/ngày, chia làm hai lần, nhưng có thể thay đổi từ 25 – 200 mg/ngày.

Để có liều cao hơn, nên dùng kết hợp Verospiron với một thuốc lợi tiểu khác, tốt nhất là với thuốc lợi tiểu có tác dụng ở ống lượn gần. Như thế, có thể giữ nguyên liều Verospiron.

Trẻ em: 3,0 mg/kg thể trọng/ngày, chia làm hai lần, hoặc uống làm một lần.

Tăng huyết áp:

Liều khởi đầu là 50 – 100 mg/ngày, chia làm hai lần, kết hợp với các thuốc chống tăng huyết áp khác. Điều trị Verospiron liên tục ít nhất trong 2 tuần, bởi vì hiệu quả chống **tăng huyết áp** tối đa chỉ có thể đạt được sau 2 tuần điều trị.

Sau đó điều chỉnh liều theo từng cá thể.

Giảm kali huyết:

25 – 100 mg/ngày, nếu không thể cung cấp K<sup>+</sup> được bằng đường uống hoặc không thể dùng được phương pháp giữ kali khác.

Lưu ý: Liều dùng trên chỉ mang tính chất tham khảo. Liều dùng cụ thể tùy thuộc vào thể trạng và mức độ diễn tiến của bệnh. Để có liều dùng phù hợp, bạn cần tham khảo ý kiến bác sĩ hoặc chuyên viên y tế.

### **Làm gì khi dùng quá liều?**

Triệu chứng: Buồn ngủ, rối loạn tâm thần và có những thay đổi trong kết quả các xét nghiệm.

Điều trị: Điều trị triệu chứng, không có các thuốc giải độc đặc hiệu. Cần duy trì cân bằng dịch – chất điện giải, acid – base bằng cách sử dụng các loại thuốc lợi tiểu thải kali, tiêm glucose + insulin. Trường hợp nặng, cần thẩm phân lọc máu.

### **Làm gì khi quên 1 liều?**

Nếu quên dùng một liều thuốc, hãy uống càng sớm càng tốt khi nhớ ra. Tuy nhiên, nếu gần với liều kế tiếp, hãy bỏ qua liều đã quên và uống liều kế tiếp vào thời điểm như kế hoạch. Không uống gấp đôi liều đã quy định.

### **Tác dụng phụ**

Khi sử dụng **thuốc Verospiron 25mg**, bạn có thể gặp các tác dụng không mong muốn (ADR). Những tác dụng phụ này thường mất đi khi ngưng thuốc.

Dùng Verospiron lâu dài có thể gây tăng kali huyết, giảm natri huyết, những thay đổi về thành phần chất điện giải trong máu, **hạ huyết áp**, mềm xương, chứng vú to và bất lực ở nam giới khi điều trị lâu dài, **rối loạn kinh nguyệt**, rụng lông tóc ở phụ nữ, căng tức vú ở phụ nữ, thay đổi giọng nói ở cả hai giới.

Hiếm khi bị ban sần hoặc ban đỏ, **mày đay**, da biến đổi giống bệnh lupus, rụng tóc, rối loạn tiêu hóa (buồn nôn, nôn, **tiêu chảy**, chảy máu dạ dày, loét dạ dày, đau dạ dày, viêm gan), rối loạn hệ thần kinh trung ương (thất điều, buồn ngủ, nhức đầu).

Mất bạch cầu hạt, giảm số lượng tiểu cầu và tăng bạch cầu ưa eosin ở bệnh nhân bị xơ gan.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

### Hướng dẫn cách xử trí ADR

Khi gặp tác dụng phụ của thuốc, cần ngưng sử dụng và thông báo cho bác sĩ hoặc đến cơ sở y tế gần nhất để được xử trí kịp thời.

### Tài liệu tham khảo:

Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc

Dược Thư Quốc Gia Việt Nam

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC**  
**VEROSPIRON® 25 mg, viên nén.**

*Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ.  
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.  
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ.  
Để xa tầm tay trẻ em*

**TÊN SẢN PHẨM**  
VEROSPIRON® 25 mg, viên nén.

**TÊN HOẠT CHẤT VÀ HÀM LƯỢNG**  
Mỗi viên nén chứa 25 mg spironolactone là hoạt chất chính.

**CÁC THÀNH PHẦN KHÁC**  
Colloidal silicon dioxide, magnesium stearate, talc, starch, lactose.

**DẠNG BẢO CHẾ CỦA THUỐC**  
Viên nén

**MÔ TẢ SẢN PHẨM**  
Viên nén tròn, dẹt, rìa xiên góc, gần như trắng, mùi đặc trưng giống mùi lưu huỳnh, có khắc chữ VEROSPIRON trên một mặt.

**QUY CÁCH ĐÓNG GÓI**  
Hộp 1 vỉ nhôm // nhựa PVC trong x 20 viên nén

**CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC**  
Mã ATC: C03D A01  
Spironolactone là một chất đối kháng cạnh tranh với aldosterone. Thuốc tác động trên ống lượn xa, ức chế tác động giữ nước và Na<sup>+</sup>, tác động thải trừ K<sup>+</sup> của aldosterone. Nó không chỉ làm tăng sự thải trừ Na<sup>+</sup>, Cl<sup>-</sup> và làm giảm thải trừ K<sup>+</sup> mà còn ức chế bài tiết H<sup>+</sup> vào nước tiểu. Kết quả của tác động lợi tiểu dẫn đến tác động hạ huyết áp.

**CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC**  
Sự hấp thu spironolactone từ ống tiêu hóa nhanh và mạnh. Thuốc gắn kết mạnh vào protein huyết tương (khoảng 90%).  
Spironolactone được chuyển hóa nhanh. Các chất chuyển hoá có hoạt tính dược lý là 7 $\alpha$ -thiomethylspironolactone và canrenone. Các chất chuyển hóa này chủ yếu được bài tiết vào nước tiểu, một lượng nhỏ vào phân.  
Spironolactone và các chất chuyển hóa vượt qua được hàng rào nhau thai, và cũng được tiết vào sữa mẹ.

**CHỈ ĐỊNH**  
Trong bệnh cường aldosterone tiên phát: Điều trị ngắn hạn trước phẫu thuật. Nếu người bệnh không thể phẫu thuật hoặc từ chối phẫu thuật, có thể điều trị dài hạn.  
Phù do các nguyên nhân khác nhau: Nên phối hợp spironolactone với các thuốc lợi tiểu khác, hạn chế dùng muối và nước và phải nằm nghỉ nếu cần.  
Phù nề kèm theo suy tim sung huyết, nếu người bệnh không đáp ứng, hoặc không dung nạp với các liệu pháp khác, hoặc muốn có tác dụng hiệp đồng với các thuốc lợi tiểu khác.  
Phù và/hoặc cổ trướng kèm theo xơ gan.

**Hội chứng thận hư**, nếu đã điều trị bệnh gốc hoặc hạn chế dùng nước và muối, và đã dùng các thuốc lợi tiểu khác mà không đạt hiệu quả mong muốn.  
**Tăng huyết áp vô căn**, dùng kết hợp với các thuốc chống tăng huyết áp khác, đặc biệt trong trường hợp giảm kali huyết.  
**Giám kali huyết**, nếu không thể áp dụng được những liệu pháp khác.  
Phòng ngừa giảm kali huyết ở người bệnh điều trị với digitalis, nếu không còn lựa chọn điều trị nào khác.

**CHỐNG CHỈ ĐỊNH**  
Vô niệu, suy thận cấp, suy chức năng thận nặng (tốc độ lọc cầu thận < 10 ml/phút), tăng kali huyết, giảm natri huyết, mang thai, thời kỳ cho con bú.  
Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

**LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG**  
Cường aldosterone: Dùng trước phẫu thuật, liều mỗi ngày từ 100-400 mg.  
Nếu người bệnh không thích hợp cho phẫu thuật, thì tiến hành điều trị duy trì dài ngày với liều tối thiểu có hiệu quả được xác định cho từng người bệnh. Trong trường hợp này, giảm liều khởi đầu sau mỗi 14 ngày cho đến khi đạt liều tối thiểu có hiệu quả. Nếu điều trị lâu dài, tốt nhất là dùng kết hợp với các thuốc lợi tiểu khác để giảm các tác dụng không mong muốn.  
Phù [suy tim sung huyết, xơ gan, hội chứng thận hư]:  
**Người lớn**: Liều khởi đầu thông thường là 100 mg/ngày, chia làm hai lần, nhưng có thể thay đổi từ 25-200 mg/ngày.  
Để có liều cao hơn, nên dùng kết hợp Verospiro với một thuốc lợi tiểu khác, tốt nhất là với thuốc lợi tiểu có tác dụng ở ống lượn gần. Như thế, có thể giữ nguyên liều Verospiro.  
**Trẻ em**: 3,0 mg/kg thể trọng/ngày, chia làm hai lần, hoặc uống làm một lần.  
**Tăng huyết áp**:  
Liều khởi đầu là 50-100 mg/ngày, chia làm hai lần, kết hợp với các thuốc chống tăng huyết áp khác. Điều trị Verospiro liên tục ít nhất trong 2 tuần, bởi vì hiệu quả chống tăng huyết áp tối đa chỉ có thể đạt được sau 2 tuần điều trị.  
Sau đó điều chỉnh liều theo từng cá thể.  
**Giám kali huyết**:  
25-100 mg/ngày, nếu không thể cung cấp K<sup>+</sup> được bằng đường uống hoặc không thể dung được phương pháp giữ kali khác.

**TƯƠNG TÁC THUỐC**  
- salicylate (làm giảm tác dụng lợi tiểu).  
- các thuốc lợi tiểu khác (tăng lợi tiểu).  
- kali và các thuốc lợi tiểu giữ kali khác (nguy cơ tăng kali huyết).  
- thuốc chống tăng huyết áp (tăng tác dụng hạ huyết áp).

- thuốc chống viêm không steroid NSAID (nguy cơ tăng kali huyết).
- thuốc ức chế enzyme chuyển angiotensin (nguy cơ tăng kali huyết).
- amoni clorid (nguy cơ toan huyết tăng).
- fludrocortisone (tăng thải trừ kali một cách bất thường).
- digoxin (thời gian bán thải của digitalis tăng, nguy cơ nhiễm độc digoxin tăng).
- milotane (tác dụng của milotane giảm).
- các dẫn xuất coumarine (các tác dụng của những dẫn xuất này giảm).
- carbenoxolone (làm giảm hiệu quả của carbenoxolone).
- neomycin (làm giảm hấp thu spironolactone).
- triptoreline, buserelone, gonadoreline (các tác dụng của những thuốc này tăng).

#### CÁC CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG

Trong trường hợp suy thận và tăng kali máu, có thể gặp sự tăng urê máu (mức BUN) thoáng qua và chứng toan tăng clo huyết do chuyển hóa có thể hồi phục.

Vì thế, ở người bệnh có rối loạn chức năng gan, thận và ở người cao tuổi, cần phải kiểm tra thường xuyên chất điện giải trong huyết thanh và chức năng thận.

Verospiron làm xáo trộn sự xác định digoxin trong huyết thanh, cortisol và epinephrine trong huyết tương.

Mặc dầu Verospiron không tác động trực tiếp lên chuyển hóa carbohydrate, nhưng cũng phải dùng thuốc này cẩn thận ở người bệnh đái tháo đường, đặc biệt khi có biến chứng thận do đái tháo đường, vì chứng tăng kali huyết có thể xuất hiện ở những người bệnh này.

Trong khi điều trị, không được dùng các thức uống có cồn.

Ở động vật, khi dùng liều cao gấp nhiều lần liều tối đa dùng cho người trong một thời gian dài, người ta thấy xuất hiện các khối u và bệnh bạch cầu tủy bào, vì vậy nên tránh dùng lâu dài.

Mỗi viên nén Verospiron 25 mg chứa 146,0 mg lactose, vì vậy nên chú ý ở những người không dung nạp lactose. Nếu bệnh nhân bị bệnh di truyền hiếm gặp không dung nạp galactose, thiếu hụt men Lapp lactase hoặc kém hấp thu glucose-galactose, không nên dùng thuốc này.

#### Phụ nữ có thai, người đang nuôi con bằng sữa mẹ

Chống chỉ định dùng thuốc viên Verospiron trong khi đang mang thai hay đang nuôi con bằng sữa mẹ. Nếu cần thiết phải dùng Verospiron thì ngừng cho con bú sữa mẹ và thay bằng các thức ăn khác.

#### Khả năng lái xe và vận hành máy móc

Khi bắt đầu điều trị không lái xe hay điều khiển máy móc nguy hiểm trong một khoảng thời gian tùy từng trường hợp, do bác sĩ quyết định.

#### QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

**Triệu chứng:** buồn ngủ, rối loạn tâm thần và có những thay đổi trong kết quả các xét nghiệm.

**Điều trị:** điều trị triệu chứng, không có các thuốc giải độc đặc hiệu. Cần duy trì cân bằng dịch-chất điện giải, acid-base bằng cách sử dụng các loại thuốc lợi tiểu thải kali, tiêm glucose + insulin. Trường hợp nặng, cần thêm phân lọc máu.

#### TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

**Thông báo cho bác sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc**

Dùng Verospiron lâu dài có thể gây tăng kali huyết, giảm natri huyết, những thay đổi về thành phần chất điện giải trong máu, hạ huyết áp, mềm xương, chứng vú to và bất lực ở nam giới khi điều trị lâu dài, rối loạn kinh nguyệt, rụng lông tóc ở phụ nữ, cứng tóc vú ở phụ nữ, thay đổi giọng nói ở cả hai giới.

Hiếm khi bị ban sẩn hoặc ban đỏ, mề đay, da biến đổi giống bệnh lupus, rụng tóc, rối loạn tiêu hóa (buồn nôn, nôn, tiêu chảy, chảy máu dạ dày, loét dạ dày, đau dạ dày, viêm gan), rối loạn hệ thần kinh trung ương (thất điều, buồn ngủ, nhức đầu).

Mất bạch cầu hạt, giảm số lượng tiểu cầu và tăng bạch cầu ưa eosin ở bệnh nhân bị xơ gan.

Những tác dụng phụ này thường mất đi khi ngưng thuốc.

#### ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN

Bảo quản dưới 30°C.

#### HẠN DÙNG CỦA THUỐC

3 năm kể từ ngày sản xuất.

Không dùng thuốc quá hạn sử dụng ghi trên bao bì.

#### TÊN ĐỊA CHỈ NHÀ SẢN XUẤT VÀ CHỦ SỞ HỮU GIẤY PHÉP ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH THUỐC

Gedeon Richter Plc.

Gyömrői út 19-21.

Budapest, 1103, Hungary

Tel. 36-1-431-4000

Fax. 36-1-261-2166

Ngày xem xét lại tờ hướng dẫn sử dụng: 27/02/2012

 GEDEON RICHTER

RG 7880, K:5862-1.3, 29225000